

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 04 NĂM 2015
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2015



Tháng 10 năm 2015

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch HĐQT
Ông Phùng Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Trần Đình Khai	Ủy viên
Ông Đoàn Ngọc Hiếu	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lâm	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Huân	Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.✓



Nguyễn Quang Huân

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 14.10/2015/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015 và bản Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “Báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30 tháng 10 năm 2015, từ trang 5 đến trang 26.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-1
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

Nguyễn Như Phương
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2015-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Mẫu số B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/04/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.750.773.677	32.080.851.362
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.626.157.268	9.555.861.833
1. Tiền	111	V.1	2.426.157.268	9.555.861.833
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.423.819.571	17.021.195.774
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.202.196.152	3.543.999.932
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		972.050.000	173.750.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	9.249.573.419	13.303.445.842
III. Hàng tồn kho	140	V.4	5.754.264.011	5.359.680.236
1. Hàng tồn kho	141		5.754.264.011	5.359.680.236
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		946.532.827	144.113.519
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		943.598.861	141.179.553
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.933.966	2.933.966
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		299.236.000.449	40.234.196.760
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		80.059.444.444	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	80.059.444.444	-
II. Tài sản cố định	220		462.556.005	538.283.277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	462.556.005	538.283.277
- Nguyên giá	222		1.558.502.597	1.558.502.597
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.095.946.592)	(1.020.219.320)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		160.000.000.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	160.000.000.000	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		58.414.000.000	39.395.913.483
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	49.300.000.000	38.753.802.281
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9	9.114.000.000	642.111.202
V. Tài sản dài hạn khác	260		300.000.000	300.000.000
1. Tài sản dài hạn khác	268		300.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		323.986.774.126	72.315.048.122

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Mẫu số B 01a - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/04/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.488.351.868	9.391.738.904
I. Nợ ngắn hạn	310		10.488.351.868	9.391.738.904
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		335.269.000	112.762.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.204.066.125	2.337.179.766
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	4.858.925.543	5.514.696.544
4. Phải trả người lao động	314		787.405.330	781.201.319
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	597.955.273	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	962.339.397	645.899.105
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	600.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		142.391.200	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		313.498.422.258	62.923.309.218
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	313.498.422.258	62.923.309.218
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	54.550.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	54.550.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		636.587.297	567.097.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(51.798.297)	(832.308.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.462.410.602	1.462.410.602
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.451.222.656	7.176.109.616
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.866.109.616	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.585.113.040	7.176.109.616
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		323.986.774.126	72.315.048.122

Bùi Thị Xuyên
Người lập biểu

Lê Thành Đồng
Kế toán trưởngNguyễn Quang Huân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Mẫu số B 02a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	95.682.483.978	17.863.779.251
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.682.483.978	17.863.779.251
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	91.477.764.958	12.763.241.183
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.204.719.020	5.100.538.068
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.586.147.290	24.342.179
7. Chi phí tài chính	22		28.040.553	100.587.993
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	90.888.357
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.134.939.125	2.950.457.838
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.627.886.632	2.073.834.416
11. Thu nhập khác	31		295.463.430	184.060.121
12. Chi phí khác	32		45.000.011	688.770
13. Lợi nhuận khác	40		250.463.419	183.371.351
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.878.350.051	2.257.205.767
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	1.293.237.011	496.585.269
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.585.113.040	1.760.620.498
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5		


Bùi Thị Xuyên
Người lập biểu

Lê Thành Đồng
Kế toán trưởngNguyễn Quang Huân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

Mẫu số B 03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.878.350.051	2.257.205.767
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	75.727.272	129.501.819
Các khoản dự phòng	03	-	1.030.039.379
(Lãi)/Lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ	04	28.040.553	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.519.793.435)	(143.443.091)
Chi phí lãi vay	06	-	90.888.357
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	462.324.441	3.364.192.231
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.597.376.203	(487.592.652)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(394.583.775)	90.000.000
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	540.984.753	2.712.224.352
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(802.419.308)	(63.833.638)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(90.888.357)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.480.000.000)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(167.608.800)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(243.926.486)	5.524.101.936
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	(160.000.000.000)	-
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	848.038.177
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(83.059.444.444)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(22.618.086.517)	(1.400.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	9.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	119.793.435	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(253.557.737.526)	(551.961.823)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	246.300.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(507.662.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	600.000.000	3.700.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(5.611.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	246.900.000.000	(2.418.662.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.901.664.012)	2.553.478.113
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.555.861.833	1.806.542.102
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(28.040.553)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.626.157.268	4.360.020.215

Bùi Thị Xuyên
Người lập biểu

Lê Thành Đồng
Kế toán trưởngNguyễn Quang Huân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long tiền thân là Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 7 năm 2007. Hiện nay, Công ty đã chuyển đổi thành công ty cổ phần. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12, tên công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 30.000.000 cổ phần và mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trụ sở chính của Công ty tại căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con sau:

Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành

Trụ sở chính của công ty tại Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Công ty Cổ phần Hòa Long

Trụ sở chính của công ty tại xóm Rừng Vòng, xã Lâm Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Chi nhánh: Chi nhánh Miền Tây, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long

Địa chỉ: 272K đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Khảo sát, điều tra xã hội học, lập kế hoạch đền bù tái định cư và đánh giá tác động môi trường các dự án; Tư vấn chuyên giao công nghệ; Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San nền đất cho công trình xây dựng;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ ngành nước và môi trường;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Buôn bán bất động sản; Đầu tư phát triển các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Buôn bán thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị phục vụ môi trường; Bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Xây dựng, quản lý, khai thác và cung cấp nước sạch;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan./.

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị phục vụ môi trường, bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tư vấn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm sau. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản trả trước dài hạn khác bao gồm tiền thuê văn phòng, công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm hoặc thời hạn thuê theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó và được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015
đến ngày 30/09/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu số B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Tiền mặt	298.113.386	125.096.680
Tiền gửi ngân hàng	2.128.043.882	5.430.765.153
Tiền đang chuyển	-	4.000.000.000
Cộng	2.426.157.268	9.555.861.833

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
BQLDA phát triển toàn diện KTXH TP Việt Trì	1.162.004.001	973.488.250
BQL đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Lạng Sơn	1.149.567.669	947.058.665
BQLDA đầu tư cơ sở hạ tầng PT bền vững TP Lào Cai	898.708.275	-
BQLDA hợp phần phát triển toàn diện KTXH đô thị Hưng Yên	651.320.098	544.235.534
Cty TNHH Econet Engineering	752.462.899	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	588.133.210	1.079.217.483
Cộng	5.202.196.152	3.543.999.932

3. Phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	5.741.913.900	6.037.793.950
Tạm ứng	690.918.821	1.215.337.905
Phải thu khác	2.816.740.698	6.050.313.987
Cộng	9.249.573.419	13.303.445.842

4. Hàng tồn kho

	30/09/2015		01/04/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.754.264.011	-	5.359.680.236	-
Cộng	5.754.264.011	-	5.359.680.236	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONGCăn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015

đến ngày 30/09/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu số B 09a - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Phải thu về cho vay dài hạn**

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Dài hạn		
Công ty CP Nước Thuận Thành vay (*)	70.000.000.000	
Công ty CP Hạ tầng THPT Việt Nam (**)	10.059.444.444	
Cộng	80.059.444.444	-

(*) Theo hợp đồng số 1506/2015/HALCOM, Công ty cho Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành vay số tiền 70 tỷ đồng từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/07/2020 với lãi suất cố định 2%/ năm. Khoản vay dùng để đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy Nước Thuận Thành, nâng công suất lên 12.000m³/ ngày đêm.

(**) Khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 04/HDUTDT ngày 15 tháng 06 năm 2015. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Hạ tầng THPT Việt Nam số tiền 10 tỷ đồng, lợi nhuận cố định là 2%/ năm trên số tiền hợp tác đầu tư trong thời hạn 3 năm. Số tiền lãi phát sinh được thu vào cuối thời hạn của hợp đồng hợp tác đầu tư. Do đó, tại mỗi kỳ báo cáo, Công ty ghi nhận trước số tiền lãi ước tính tương ứng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình của Công ty gồm xe ô tô Lexus với nguyên giá 1.514.545.454 đồng, khấu hao lũy kế tại ngày 30/09/2015 là 1.051.989.449 đồng và máy photo phục vụ quản lý với nguyên giá 43.957.143 đồng, đã khấu hao hết.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Chi phí xây dựng nhà máy nước Hưng Thành, thị trấn Lương Bằng, xã Song Mai, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên (*)	100.000.000.000	-
Dự án giao thông và xử lý nước thải tại thành phố Cần Thơ (**)	60.000.000.000	-
Cộng	160.000.000.000	-

(*) Hợp tác với Công ty Cổ phần Nước Hưng Long theo hợp đồng số 05/2015/HĐKT ngày 10 tháng 07 năm 2015 về việc đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà máy cung cấp nước sạch tại thị trấn Lương Bằng, xã Song Mai và khu vực lân cận huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên. Thời gian hợp tác là 50 năm.

(**) Hợp đồng Hợp tác đầu tư “Chuẩn bị đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải theo hình thức PPP tại thành phố Cần Thơ”, giữa liên danh gồm Công ty quản lý xây dựng & công nghệ thông tin (CMIT - Hàn Quốc) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM), đại diện liên danh là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (bên A) với Công ty Cổ phần Đầu tư TPP Việt Nam (Bên B). Hai bên thống nhất hình thành liên danh thực hiện hoạt động nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi lập dự án đầu tư, đưa ra đề xuất đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải tại thành phố Cần Thơ. Thời gian hợp tác là 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Đầu tư vào công ty con

	30/09/2015		01/04/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	40.000.000.000	40.000.000.000	-	32.453.802.281
Công ty Cổ phần Hòa Long	9.300.000.000	9.300.000.000	-	6.300.000.000
Cộng	49.300.000.000	49.300.000.000	-	38.753.802.281

Chi tiết đầu tư vào công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 như sau:

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành số tiền 40 tỷ đồng tương đương 4.000.000 cổ phần chiếm 90,91% quyền biểu quyết. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành là khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch. Trụ sở chính của công ty tại Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hòa Long số tiền 9.300.000.000 đồng tương đương 930.000 cổ phần chiếm 93% quyền biểu quyết. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Hòa Long là sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Trụ sở chính của công ty là tại xóm Rồng Vòng, xã Lâm Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Bình.

9. Đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2015		01/04/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mekong VN	9.114.000.000	9.114.000.000	-	-
Dự án khác	-	-	-	642.111.202
Cộng	9.114.000.000	9.114.000.000	-	642.111.202

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long sở hữu 911.400 cổ phần trong tổng số 4.800.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư Dầu khí Mekong VN, chiếm tỷ lệ 19%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONGCăn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015
đến ngày 30/09/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mẫu số B 09a - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước**

	01/04/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/09/2015
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	2.933.966	-	-	2.933.966
Cộng	2.933.966	-	-	2.933.966
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	1.854.128.868	500.024.994	-	2.354.153.862
Thuế thu nhập doanh	2.051.574.412	1.293.237.011	1.480.000.000	1.864.811.423
Thuế thu nhập cá nhân	1.608.993.264	430.966.994	1.400.000.000	639.960.258
Cộng	5.514.696.544	2.224.228.999	2.880.000.000	4.858.925.543

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí dự án Lào Cai	552.955.273	-
Trích trước chi phí kiểm toán năm 2014	45.000.000	-
Cộng	597.955.273	-

12. Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	54.171.607	42.742.998
Bảo hiểm xã hội, y tế	370.160.380	245.055.361
Các khoản phải trả, phải nộp khác	538.007.410	358.100.746
Cộng	962.339.397	645.899.105

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Hợp đồng vay ngắn hạn số 02/BACVIET-HALCOM giá trị 600 triệu đồng, thời hạn 15/8/2015 đến 02/04/2016, lãi suất 10.5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/04/2014	40.000.000.000	567.097.000	(324.646.000)	1.462.410.602	1.735.090.624	43.439.952.226
Vốn góp tăng trong năm	14.550.000.000	-	-	-	-	14.550.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	7.275.750.151	7.275.750.151
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(1.834.731.159)	(1.834.731.159)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(507.662.000)	-	-	(507.662.000)
Số dư tại ngày 01/04/2015	54.550.000.000	567.097.000	(832.308.000)	1.462.410.602	7.176.109.616	62.923.309.218
Vốn góp tăng trong kỳ (*)	245.450.000.000	69.490.297	-	-	-	245.519.490.297
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	4.585.113.040	4.585.113.040
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	-	(310.000.000)	(310.000.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	780.509.703	-	-	780.509.703
Số dư tại ngày 30/09/2015	300.000.000.000	636.587.297	(51.798.297)	1.462.410.602	11.451.222.656	313.498.422.258

(*) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng theo nghị quyết số 02-2015/NQ-ĐHCD/HALCOM ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Đại hội cổ đông bất thường năm 2015 tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long. Theo đó, các cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 60.000.000.000 đồng lên thành 300.000.000.000 đồng.

(**) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty số tiền 250.000.000 đồng và chi thưởng các cá nhân có thành tích tốt 60.000.000 đồng theo quyết định của Ban Tuân thủ doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015
đến ngày 30/09/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu số B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**14. Vốn Chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Cổ phiếu**

	30/09/2015	01/04/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	5.455.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	5.455.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	5.641	83.231
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.641	83.231
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.994.359	5.371.769
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.994.359	5.371.769
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

15. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Tòa nhà 101 Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều tập trung tại trụ sở chính. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty tập trung cho cả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo bộ phận kinh doanh này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONGCăn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015
đến ngày 30/09/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mẫu số B 09a - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	95.682.483.978	35.727.558.502
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	84.553.985.042	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.128.498.936	17.863.779.251
Cộng	95.682.483.978	17.863.779.251

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	84.324.686.030	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.153.078.928	12.763.241.183
Cộng	91.477.764.958	12.763.241.183

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	119.793.435	24.342.179
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	5.400.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	66.353.855	-
Cộng	5.586.147.290	24.342.179

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.293.237.011	496.585.269
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.293.237.011	496.585.269

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015
đến ngày 30/09/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu số B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.324.686.030	-
Chi phí nhân công	5.849.633.840	12.395.036.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.727.272	129.501.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.080.187.961	4.117.244.139
Chi phí khác bằng tiền	268.638.022	793.995.401
Cộng	94.598.873.125	17.435.777.812

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Các khoản vay	600.000.000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.626.157.268	9.555.861.833
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	313.498.422.258	62.923.309.218
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

	Giá trị ghi sổ	
	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.626.157.268	9.555.861.833
Phải thu khách hàng và phải thu khác	88.769.300.115	10.809.651.824
Đầu tư dài hạn	9.114.000.000	642.111.202
Các khoản ký quỹ	5.741.913.900	6.037.793.950
Cộng	106.251.371.283	27.045.418.809
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	600.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.297.608.397	758.661.275
Chi phí phải trả	597.955.273	-
Cộng	2.495.563.670	758.661.275

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Các loại công cụ tài chính**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

Phải thu của khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại nhiều ngân hàng. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ,

Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015

đến ngày 30/09/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/09/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.626.157.268	-	-	2.626.157.268
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.709.855.671	80.059.444.444	-	88.769.300.115
Đầu tư dài hạn	9.114.000.000			9.114.000.000
Các khoản ký quỹ	5.741.913.900	-	-	5.741.913.900
Cộng	26.191.926.839	80.059.444.444	-	106.251.371.283
Tại 30/09/2015				
Các khoản vay	600.000.000	-	-	600.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.297.608.397	-	-	1.297.608.397
Chi phí phải trả	597.955.273	-	-	597.955.273
Cộng	2.495.563.670	-	-	2.495.563.670
Chênh lệch thanh khoản thuần	23.696.363.169	80.059.444.444	-	103.755.807.613

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành

Công ty Cổ phần Hòa Long

Mối quan hệ

Công ty con

Công ty con

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014 VND
Mua hàng	-	-
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	777.922.730	80.945.455
Cộng	777.922.730	80.945.455
Cho Công ty con vay		
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	70.000.000.000	
Cộng	70.000.000.000	-
Góp vốn vào Công ty con		
Công ty Cổ phần Hòa Long	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	7.546.197.719	1.998.200.000
Cộng	10.546.197.719	1.998.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015
đến ngày 30/09/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu số B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**Số dư với bên liên quan**

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	429.847.380	-
Công ty Cổ phần Hòa Long	1.004.716.000	3.000.000.000
Cộng	1.434.563.380	3.000.000.000
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	267.120.000	89.040.000
Cộng	267.120.000	89.040.000
Các khoản cho vay		
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	70.000.000.000	-
Cộng	70.000.000.000	-

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015 là:

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
	VND	VND
Lương	434.585.809	341.987.909
Cộng	434.585.809	341.987.909

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 09 năm 2015 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số chỉ tiêu trên tại ngày 01/04/2015 trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại theo thông tư 200/2014/TT-BTC để có thể so sánh, chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015
đến ngày 30/09/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu số B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

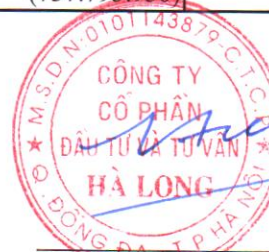
TÀI SẢN	Mã số	Số trước phân loại	Số phân loại lại	Số sau phân loại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	25.901.877.859		32.080.851.362
. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	9.768.063.919		17.021.195.774
. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.050.313.987	7.253.131.855	13.303.445.842
. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.218.271.871		144.113.519
. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	141.179.553	141.179.553
. Tài sản ngắn hạn khác	155	1.215.337.905	(1.215.337.905)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	46.413.170.263		40.234.196.760
. Đầu tư tài chính dài hạn	250	44.695.913.483		39.395.913.483
. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.942.111.202	(5.300.000.000)	642.111.202
. Tài sản dài hạn khác	260	1.178.973.503		300.000.000
. Chi phí trả trước dài hạn	261	141.179.553	(141.179.553)	-
. Tài sản dài hạn khác	268	1.037.793.950	(737.793.950)	300.000.000



Bùi Thị Xuyên
Người lập biểu



Lê Thành Đồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015